Chi tiết mã HS 6306.19.90

Mã HS	6306.19.90
Mô tả hàng hóa	Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng; tăng (lều) (kể cả mái che tạm thời và các vật dụng tương tự); buồm cho tàu thuyền, ván lướt hoặc ván lướt cát; các sản phẩm dùng cho cắm trại / - Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng: / - - Từ các vật liệu dệt khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/m/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 01:26:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/63061990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9893
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9893
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9893
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6.9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9428
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9379
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9379
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9379
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9379
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9379
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9379
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9431
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9431
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9431
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9431

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9431
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9431
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9432
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9432
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9432
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9432
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9432
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9432
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9433
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9385
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9391
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9391
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9391
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9391
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9391
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9391
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9416
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9416
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9416
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9416
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9416
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9416
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9462
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9462
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9462
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9462

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9462
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9462
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9441
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9441
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9441
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9441
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9441
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9441
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9454
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9454
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9454
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9454
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9454
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9454
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9464
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9464
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9464
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9464
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9464
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9464
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9463
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9463
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9463
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9463
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9463
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9463

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9410
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9410
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9410
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9410
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9410
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9410
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9410
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9448
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9448
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9448
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9448
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9448
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9448
RCEP B	2022	2022	0	B!D9448
RCEP B	2023	2023	0	B!E9448
RCEP B	2024	2024	0	B!F9448
RCEP B	2025	2025	0	B!G9448
RCEP B	2026	2026	0	B!H9448
RCEP B	2027	2027	0	B!I9448
RCEP C	2022	2022	0	C!D9448
RCEP C	2023	2023	0	C!E9448
RCEP C	2024	2024	0	C!F9448
RCEP C	2025	2025	0	C!G9448
RCEP C	2026	2026	0	C!H9448
RCEP C	2027	2027	0	C!I9448
RCEP D	2022	2022	0	D!D9447

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9447
RCEP D	2024	2024	0	D!F9447
RCEP D	2025	2025	0	D!G9447
RCEP D	2026	2026	0	D!H9447
RCEP D	2027	2027	0	D!I9447
RCEP E	2022	2022	0	E!D9451
RCEP E	2023	2023	0	E!E9451
RCEP E	2024	2024	0	E!F9451
RCEP E	2025	2025	0	E!G9451
RCEP E	2026	2026	0	E!H9451
RCEP E	2027	2027	0	E!I9451
RCEP F	2022	2022	0	F!D9448
RCEP F	2023	2023	0	F!E9448
RCEP F	2024	2024	0	F!F9448
RCEP F	2025	2025	0	F!G9448
RCEP F	2026	2026	0	F!H9448
RCEP F	2027	2027	0	F!I9448
VIFTA	2024	2024	10.3	VI!F8745
VIFTA	2025	2025	8.6	VI!G8745
VIFTA	2026	2026	6.9	VI!H8745
VIFTA	2027	2027	5.1	VI!I8745

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6306.19 có 3 dòng thuế; dòng 6306.19.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	6306.19.10 Từ sợi dệt thực vật thuộc nhóm 53.05; 6306.19.20 Từ bông	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6306.19.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 6306.19.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9893), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.